

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày: 21 – 9 – 2023.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C , TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ.
- Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Đ.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T , sinh năm 1976.

Địa chỉ: số zz, đường V T S, Phường y, thành phố C , tỉnh Đ ;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH LD và các cộng sự.

Địa chỉ trụ sở: Phòng xzy, Lầu N, Tòa nhà Centec, số 72 – 74, đường Nguyễn Thị Minh K, phường VT S, Quận M, thành phố H C M.

Người đại diện hợp pháp: Lạc Thị Tú D, sinh năm 1983.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Lạc Thị Tú D, sinh năm 1983;
- Lạc Hồng D1, sinh năm 1990;
- Trần Văn P, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Phòng xzy, Lầu N, Tòa nhà Centec, số 72 – 74, đường Nguyễn Thị Minh K, phường VT S, Quận M, thành phố H C M.

Bị đơn: Ông Lê Phú Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: số qxz, tổ F, ấp Tịnh M, xã T T, thành phố C , tỉnh Đ.

(Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày:

Vào ngày 02/8/2022, bà Phạm Thị Mỹ T có cho ông Lê Phú Th vay số tiền 400.000.000đồng, mục đích vay là để ông Th làm vốn làm ăn. Hai bên có làm hợp đồng vay được ký kết cùng ngày 02/8/2022 và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và thanh toán theo thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng ông Th thanh toán cho bà T số tiền vốn 30.000.000đồng và tiền lãi là 3% trên nợ gốc còn lại. Thời hạn thanh toán đến tháng 10/2023. Bắt đầu thực hiện trả vào ngày 01/9/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông Th có thỏa thuận giảm lãi suất là 2%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Phú Th thực hiện việc trả nợ cho bà T không đúng theo thỏa thuận đã giao kết. Cụ thể, tính đến ngày 07/07/2023, ông Th đã thanh toán cho bà T tổng số tiền là 174.800.000đồng trong đó tiền vốn gốc 114.199.471đồng và tiền lãi 60.600.529đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 08/9/2022, ông Th thanh toán số tiền 32.000.000đồng (trong đó tiền lãi 6.666.667đồng, trừ tiền vay 25.333.333đồng, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 10/9/2022, ông Th thanh toán số tiền 10.000.000đồng (tiền vay (hình thức chuyển khoản));
- Ngày 21/10/2022, ông Th thanh toán số tiền 20.000.000đồng (tiền vay là 13.922.222đồng, tiền lãi là 6.077.000đồng, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 10/11/2022, ông Th thanh toán số tiền 17.000.000đồng (tiền vay là 11.154.259đồng, tiền lãi là 5.845.741đồng, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 16/12/2022, ông Th thanh toán số tiền 7.000.000đồng (tiền vay là 1.340.164đồng, tiền lãi là 5.659.836đồng, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 10/01/2023, ông Th thanh toán số tiền 7.000.000đồng (tiền vay là 1.362.500đồng, tiền lãi là 5.637.500đồng, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 27/01/2023, ông Th thanh toán số tiền 20.000.000đồng (tiền vay, hình thức chuyển khoản);
- Ngày 21/3/2023, ông Th thanh toán số tiền 7.000.000đồng (tiền lãi hình thức thanh toán tiền mặt);

- Ngày 07/4/2023, ông Th thanh toán số tiền 7.000.000đồng (tiền lãi, hình thức chuyển khoản;

- Ngày 12/5/2023, ông Th thanh toán số tiền 30.000.000đồng (tiền vay là 22.874.164đồng, tiền lãi là 7.125.836đồng, hình thức chuyển khoản;

- Ngày 25/5/2023, ông Th thanh toán số tiền 5.800.000đồng (tiền vay, hình thức chuyển khoản.

- Ngày 13/6/2023, ông Th thanh toán số tiền 6.000.000đồng (trong đó tiền vay là 1.196.444đồng, tiền lãi là 4.803.556đồng, hình thức chuyển khoản);

- Ngày 07/7/2023, ông Th thanh toán số tiền 6.000.000đồng (trong đó tiền vay là 1.216.000đồng, tiền lãi là 4.783.000đồng, hình thức chuyển khoản).

Sau đó ông Th không thực hiện thanh toán cho bà T. Bà T nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Th vẫn không thực hiện việc trả tiền vay và tiền lãi cho bà T đúng theo thỏa thuận. Số tiền vay và tiền lãi nêu trên là do bà T tự trừ theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Phú Th phải trả cho bà Phạm Thị Mỹ T số tiền vay còn nợ lại là 285.800.529đ và bà T tự nguyện điều chỉnh tiền lãi suất theo mức lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng) tính theo thỏa thuận được giao kết trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 02/8/2022 sau khi đã trừ số tiền ông Th đã thanh toán, số tiền lãi ông Th còn nợ lại tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 9.526.684 đồng. Tổng số tiền là 295.327.213 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười ba đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông Th thanh toán hết nợ cho bà T.

Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Lê Phú Th: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th nhưng tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án ông Th vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn ông Lê Phú Th có nơi cư trú tại xã T, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Phú Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[1]. Vào ngày 02/8/2022, bà Phạm Thị Mỹ T có cho ông Lê Phú Th vay số tiền 400.000.000đồng, mục đích vay là để ông Th làm vốn làm ăn. Hai bên có làm hợp đồng vay được ký kết cùng ngày 02/8/2022 và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và thanh toán theo thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng ông Th thanh toán cho bà T số tiền vốn 30.000.000đồng và tiền lãi là 3% trên nợ gốc còn lại. Thời hạn thanh toán đến tháng 10/2023. Bắt đầu thực hiện trả vào ngày 01/9/2022. Hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù ông Lê Phú Th có thực hiện việc trả nợ cho bà T nhưng ông Th đã không thực đầy đủ và đúng theo thỏa thuận được ghi nhận tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 02/8/2022 mà các bên đã giao kết nên bà T yêu cầu ông Th phải thanh toán tiền còn nợ lại và tất toán hợp đồng vay tiền giữa các bên. Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào nội dung thỏa thuận được giao kết trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 02/8/2022 thể hiện các bên thỏa thuận việc thanh toán tiền vay và tiền lãi như sau: “...Mỗi đầu tháng tiếp theo kể từ ngày 01/9/2022, ông Lê Phú Th có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi là 3% trên nợ gốc còn lại và trả nợ gốc là 30.000.000đồng...”. Thông qua bảng kê thanh toán nợ của ông Th do bà T cung cấp thể hiện ông Th không thanh toán số tiền vay và tiền lãi theo đúng theo đúng thỏa thuận đã giao kết. Như vậy, mặc dù hợp đồng giữa các bên chưa hết thời hạn để thanh toán nhưng ông Th đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã cam kết trong hợp đồng nên việc bà T yêu cầu ông Th tất toán hợp đồng là có căn cứ. Tính đến ngày 07/7/2023, ông Th đã thanh toán cho bà T số tiền vay 114.199.471đồng, còn nợ lại 285.800.529đồng và ông Th không tiếp tục thanh toán cho bà T. Qua đó cho thấy ông Th đã vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên bà T yêu cầu ông Th phải trả cho bà T số tiền vay còn lại là 285.800.529đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức lãi suất của số tiền vay được các bên thỏa thuận và ghi nhận tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 02/8/2022, mức lãi suất thỏa thuận là 3%/ tháng, mức lãi suất này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn cho rằng các đương sự có thỏa thuận điều chỉnh lại mức lãi suất là 2%/tháng, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn cũng không chứng minh được việc thỏa thuận lại mức lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh lãi suất cho vay với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tạm tính đến ngày 21/9/2023, sau khi trừ số tiền lãi ông Th đã thanh toán, ông Th còn nợ lại bà T

số tiền lãi là 9.526.684 đồng. Xét thấy yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ T .

Buộc ông Lê Phú Th có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Mỹ T số tiền nợ gốc là 285.800.529 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn năm trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 9.526.684 đồng (chín triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng). Tổng số tiền là 295.327.213 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm mười ba đồng).

2. Ông Lê Phú Th có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi ông Lê Phú Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị Mỹ T .

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Phú Th phải nộp 14.766.360 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Mỹ T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.355.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012526 ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C , tỉnh Đ.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Tòa án ND Tỉnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như